TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22/2025/QĐST-DS	*Vĩnh Long, ngày 28 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 198/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Vĩnh Long có Công văn số: 78/CV-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2025 thống nhất với nội dung hòa giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1949; Cư trú tại: ấp B, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L: Chị Trương Thị Dịu H, sinh năm 1989; Cư trú tại: ấp B, xã H, tỉnh Vĩnh Long theo văn bản ủy quyền ngày 04/12/2024.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L: Ông Nguyễn Tấn L1, Văn Phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T; Địa chỉ: số C N, Phường N, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Bà Bùi Thị N1, sinh năm 1966; Cư trú tại: ấp B, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Bùi Thị N1: Chị Huỳnh Thụy Mai T, sinh năm 1982; Cư trú tại: số I C, Phường B, Thành Phố Hồ Chí Minh theo văn bản ủy quyền ngày 05/03/2025.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1989

2. Chị Trương Thị Dịu H, sinh năm 1989

Cùng cư trú tại: ấp B, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T1: Chị Trương Thị Dịu H, sinh năm 1989; cư trú tại: ấp B, xã H, tỉnh Vĩnh Long theo văn bản ủy quyền ngày 03/6/2025,

3. Chị Nguyễn Thị Hồng N2, sinh năm 1978; cư trú tại: Khóm M, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

4. Bà Cao Thị N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Vĩnh Long; Địa chỉ trụ sở tại: ấp C, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị Trương Thị Dịu H là người đại diện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T1, chị Trương Thị Dịu H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Huỳnh Thụy Mai T là người đại diện của bị đơn, bà Bùi Thị N1 là bị đơn và chị Nguyễn Thị Hồng N2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự nguyện thỏa thuận thống nhất nội dung như sau:

Công nhận cho bà Nguyễn Thị L được quyền quản lý, sử dụng Phần A diện tích đo đạc thực tế là 432,9m^2, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa số 1128, nằm trong tổng diện tích 1.890m^2, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp B, xã H, tỉnh Vĩnh Long và tài sản gắn liền với đất tranh chấp (Phần A do bà Nguyễn Thị L đang trực tiếp quản lý, sử dụng).

Có tứ cận như sau:

- Hướng Bắc: giáp thửa số 3647 có số đo 15,3m.
- H: giáp đường nhựa có số đo 12,5m.
- H: giáp phần B thuộc một phần thửa số 1128 có số đo 38.0m.
- Hướng Tây: giáp thửa số 2161 có số đo 37,1m.

Thửa đất số 1127 nằm trong thửa số 1128 có kích thước lần lượt là 9,6m. 9,4m, 9,3m, 9,1m.

Theo sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 107/CNHCN ngày 11/6/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ).

Các đương sự được quyền đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất theo quyết định này.

Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.648.642 đồng. Bà Bùi Thị N1 tự nguyện chịu 1.324.321 đồng *(Một triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi mốt đồng)* tiền chi phí tố tụng nộp tại cơ quan thi hành án dân sự. Bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu 1.324.321 đồng *(Một triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi mốt đồng)* tiền chi phí tố tụng nhưng được trừ vào 8.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng nên bà Nguyễn Thị L đã nộp xong, bà

Nguyễn Thị L được nhận lại 5.351.358 đồng *(Năm triệu ba trăm năm mươi mốt nghìn ba trăm năm mươi tám đồng)* tại Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long và 1.324.321 đồng *(Một triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi mốt đồng)* sau khi Cơ quan thi hành án dân sự thu của bà Bùi Thị N1 rồi giao lại cho bà Nguyễn Thị L.

Về án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng: Bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 75.000 đồng nhưng bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nên bà Nguyễn Thị L được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà Bùi Thị N1 tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 13 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Mộng Tiền